

CÔNG TY CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

25 PASTUER P. NGUYỄN THÁI BÌNH QUẬN 1 TP. HCM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ IV - 2017

NĂM 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV '2017
Của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám Tổng đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán được cập nhật, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc tiết kiệm chi phí đầu tư cũng như chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm tổn thất và thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh 12 tháng và lưu chuyển tiền tệ 12 tháng của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO - Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 Tháng 1 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			31-12-2017	01-01-2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12,998,531,458	22,629,173,984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,900,341,122	9,682,767,881
Tiền	111		1,750,341,122	1,880,356,648
Các khoản tương đương tiền	112		150,000,000	7,802,411,233
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10,080,401,104	10,248,930,309
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	13,998,698,125	14,767,225,620
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,394,109,126	1,352,670,827
Các khoản phải thu khác	136	V.a	27,559,706,647	24,414,781,864
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(32,872,112,794)	(30,285,748,002)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	94,732,782	335,021,478
Hàng tồn kho	141		223,673,522	559,248,040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(128,940,740)	(224,226,562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		923,056,450	2,362,454,316
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	544,989,410	1,470,555,233
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	49,246,677	652,288,520
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14b	328,820,363	239,610,563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29,931,853,971	22,692,435,837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,128,588,982	2,807,068,180
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.2	5,796,000,000	5,796,000,000
Phải thu dài hạn khác	216	V.2	2,128,588,982	2,807,068,180
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.2	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
II. Tài sản cố định	220		18,632,375,700	18,792,275,575
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18,444,597,932	18,547,831,131
- Nguyên giá	222		26,969,046,953	40,362,368,374
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,524,449,021)	(21,814,537,243)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	187,777,768	244,444,444
- Nguyên giá	228		250,000,000	250,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62,222,232)	(5,555,556)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.	8,544,500,040	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,544,500,040	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		80,016,001	80,016,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	80,016,001	80,016,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		546,373,248	1,013,076,082
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	546,373,248	1,013,076,082
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42,930,385,429	45,321,609,821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2017	01-01-2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41,320,262,154	18,626,415,522
I. Nợ ngắn hạn	310		28,333,715,690	15,411,596,297
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	710,654,087	5,308,411,832
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	112,372,915	117,272,579
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	7,468,088,033	1,423,879,425
Phải trả người lao động	314		1,562,995,078	1,819,983,216
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	883,051,942	1,123,729,837
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97,140,921	97,793,639
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	17,499,412,714	5,520,525,769
II. Nợ dài hạn	330		12,986,546,464	3,214,819,225
Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	641,531,146	1,293,671,875
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.b	511,000,000	730,000,000
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1,021,449,286	1,191,147,350
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	10,812,566,032	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,610,123,275	26,695,194,299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1,610,123,275	26,695,194,299
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(78,389,876,725)	(53,304,805,701)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(57,485,175,259)	(48,056,723,166)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(20,904,701,466)	(5,248,082,535)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42,930,385,429	45,321,609,821

(0)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 Tháng 1 năm 2018
Tổng Giám đốc

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN



KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý IV '2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý IV '2017	Quý IV '2016	Lũy kế Quý IV '2017	Lũy kế Quý IV '2016
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6,729,959,533	12,860,782,632	30,084,397,155	49,987,504,743
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	15,060,000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,729,959,533	12,860,782,632	30,084,397,155	49,972,444,743
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6,769,064,769	13,683,320,044	32,286,166,627	52,541,004,435
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(39,105,236)	(822,537,412)	(2,201,769,472)	(2,568,559,692)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	835,597	131,460,748	159,950,469	458,039,490
Chi phí tài chính	22	VI.4	200,331,896	9,139,200	696,561,019	17,920,787
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		283,356,209	31,060,737	773,467,667	37,182,213
Chi phí bán hàng	24	VI.5	40,980,336	246,346,186	202,175,735	1,182,730,795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,280,850,376	3,703,011,877	9,086,751,282	9,099,142,472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,560,432,247)	(4,649,573,927)	(12,027,307,039)	(12,410,314,256)
Thu nhập khác	31	VI.7	1,144,299,308	1,874,340,116	5,736,336,870	7,424,067,254
Chi phí khác	32	VI.8	10,000,163,002	193,029,775	12,860,770,355	261,835,533
Lợi nhuận khác	40		(8,855,863,694)	1,681,310,341	(7,124,433,485)	7,162,231,721
Lợi nhuận trong các cty liên kết	45		-	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10,416,295,941)	(2,968,263,586)	(19,151,740,524)	(5,248,082,535)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(10,416,295,941)	(2,968,263,586)	(19,151,740,524)	(5,248,082,535)

Người lập/ Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN



Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Lũy kế Quý IV '2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV '2017	Lũy kế Quý IV '2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(11,597,093,211)	(867,968,560)
01 Lợi nhuận trước thuế	(25,085,071,024)	(6,818,184,279)
Điều chỉnh cho các khoản		
02 Khấu hao tài sản cố định	2,539,726,613	3,932,592,074
03 Các khoản dự phòng	2,586,364,792	414,058,300
04 (Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	(2,578,078,049)	(4,797,904,914)
06 Chi phí lãi vay	773,467,667	37,182,213
07 Thu nhập lãi vay	(159,950,469)	
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ		
08 (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(1,136,314,546)	7,931,746,221
09 (Tăng)/giảm hàng tồn kho	335,574,518	(774,242)
10 Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	10,508,386,297	(1,871,987,154)
11 (Tăng)/giảm chi phí trả trước (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	1,392,268,657	342,485,434
12 Tiền lãi vay đã trả	(773,467,667)	(37,182,213)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(6,997,899,580)	6,345,130,261
21 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(16,963,450,041)	(7,480,950,840)
22 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9,805,599,992	9,203,200,000
24 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	4,611,499,990
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	159,950,469	11,381,111
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	10,812,566,032	(283,333,502)
31 Tiền thu từ đi vay	12,656,500,000	
32 Tiền trả nợ gốc vay	(1,843,933,968)	(283,333,502)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(7,782,426,759)	5,193,828,199
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	9,682,767,881	4,488,939,682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,900,341,122	9,682,767,881

0

Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN



Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV '2017

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST (“Công ty”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh du lịch lữ hành nội bộ, quốc tế; đại lý vé máy bay, giáo dục nghề nghiệp;

Công ty có trụ sở chính tại 25 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Stt	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn	100	100	103 Đào Duy Anh phường 9 Quận Phú Nhuận TP.HCM	► Dịch vụ bảo vệ
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	100	100	25 Pasteur, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	► Điều hành tour du lịch vận tải hành khách

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo tài chính (tỷ giá giao dịch tại Ngân hàng VCB- tỷ giá chuyển khoản/mua vào) :

- Tại ngày 01-01-2017: 22,720 VND/USD
- Tại ngày 31-12-2017: 22,690 VND/USD

3 . Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

6 . Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của nguyên vật liệu xây dựng được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

8 . Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25-50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

12 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

13 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

15 . Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16 . Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

17 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, bệnh viện và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

18 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, trái phiếu và vay chuyển đổi, nợ và vav.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

V. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31-12-2017	01-01-2017
Tiền mặt	1,365,076,358	557,725,079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	385,264,764	1,322,631,569
Các khoản tương đương tiền	150,000,000	7,802,411,233
	1,900,341,122	9,682,767,881

2. **Đầu tư tài chính, góp vốn vào đơn vị khác**

	31-12-2017		01-01-2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác				
+Tập đoàn Radius	80,016,000		80,016,000	
Phải thu về cho vay				
+ Công ty CP ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5,796,000,000	5,796,000,000	5,796,000,000	5,796,000,000
Cộng:	-	-	-	-

3. **Phải thu khách hàng**

a) **Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31-12-2017	01-01-2017
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9,596,271,434	9,596,271,434
Baghdad Sayed (Grand)	301,346,953	301,346,953
Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	1,207,130,200	1,207,435,450
Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	182,600,118	182,600,118
T/ Tam Dạy Nghệ Bán Công Sài Gòn	96,600,000	247,568,252
Công ty Xe khách Sài Gòn	6,725,000	184,851,591
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NAM LONG	220,000,000	
CÔNG TY TNHH DCT PARTNERS VIỆT NAM		189,750,000
BỆNH VIỆN QUẬN 2	172,800,000	
Phải thu từ khách hàng khác	1,937,187,945	2,579,365,347
	13,998,698,125	14,767,225,620

4. **Trả trước cho người bán**

	31-12-2017	01-01-2017
VP LUẬT SƯ HỒNG NGUYỄN & Cộng sự	500,000,000	500,000,000
CTY TNHH LINK MEDIA	765,000,000	765,000,000
Trả trước người bán khác	129,109,126	87,670,827
	1,394,109,126	1,352,670,827

5. **Phải thu khác**

a) **Ngắn hạn**

	31-12-2017	01-01-2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18,870,833,663	15,156,134,549
CTY CP XNK VIET TIEP	1,598,478,659	1,598,478,659
Cty cổ phần Kinh doanh và phát triển AN Nghiệp Phát	222,240,940	2,112,225,940
Công ty TNHH TM Du lịch Huyền Trang	3,066,040,000	3,181,040,000
Tạm ứng cho CBNV	93,184,130	149,855,927
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	111,146,850	84,993,000
Phải thu khác	3,597,782,405	2,032,053,789
	27,559,706,647	24,414,781,864

b) **Dài hạn**

	31-12-2017	01-01-2017
Bảo lãnh hợp đồng đại lý vé máy bay (VN Airlines)	500,000,000	500,000,000
Thuê nhà xưởng tại quận Gò Vấp	62,967,182	317,250,000
Ký quỹ lễ hành quốc tế tại VCB	250,000,000	250,000,000
CTY TNHH MTV MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ SÀI GÒN	-	423,196,380
Ký quỹ xuất khẩu lao động tại Ngân hàng Vietcombank	1,000,000,000	1,000,000,000
Các khoản ký quỹ khác	315,621,800	316,621,800

	<u>2,128,588,982</u>	<u>2,807,068,180</u>
6 Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn:		
	31-12-2017	01-01-2017
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9,596,271,434	9,596,271,434
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	15,906,134,549	13,246,733,549
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển An Nghiệp Phát	222,240,940	2,162,225,940
Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1,598,478,659	1,598,478,659
Công ty TNHH thương mại du lịch Huyền Trang	2,296,040,000	1,731,040,000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	192,586,017	182,600,118
Công ty Cổ phần Việt Nam Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Các khách hàng khác	2,782,324,720	1,490,361,827
	<u>32,872,112,794</u>	<u>30,285,748,002</u>

7 . Hàng tồn kho

	31-12-2017		01-01-2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	22,592,567		23,483,953	
Nguyên liệu, vật liệu	55,213,163		9,612,826	
Nhiên liệu	16,360,793		20,801,695	
Hàng hóa	128,940,740	128,940,740	128,940,740	128,940,740
Phụ tùng	566,259		376,408,826	95,285,822
Cộng	<u>223,673,522</u>	<u>128,940,740</u>	<u>559,248,040</u>	<u>224,226,562</u>

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý+TS khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,247,911,917	356,174,389	38,428,252,884	330,029,184	40,362,368,374
Tăng trong kỳ	-	-	7,739,372,728	-	7,739,372,728
<i>Trong đó</i>					
<i>Mua sắm mới</i>			7,739,372,728		7,739,372,728
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			(21,132,694,149)		(21,132,694,149)
Số cuối kỳ	1,247,911,917	356,174,389	25,034,931,463	330,029,184	26,969,046,953
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	999,468,379	311,561,889	20,221,797,767	281,709,208	21,814,537,243
Khấu hao trong năm	8,567,016	12,450,000	2,449,962,917	12,080,004	2,483,059,937
Tăng khác					-
Giảm trong kỳ	-	-	(15,773,148,159)	-	(15,773,148,159)
<i>Trong đó</i>					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			(15,773,148,159)		(15,773,148,159)
Số cuối kỳ	1,008,035,395	324,011,889	6,898,612,525	293,789,212	8,524,449,021
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	248,443,538	44,612,500	18,206,455,117	48,319,976	18,547,831,131
- Tại ngày cuối kỳ	239,876,522	32,162,500	18,136,318,938	36,239,972	18,444,597,932

. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm			250,000,000		250,000,000
Tăng trong kỳ					-
<i>Trong đó</i>					
<i>Mua sắm mới</i>					-
Số cuối kỳ			250,000,000	-	250,000,000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm			5,555,556		5,555,556
Khấu hao trong năm			56,666.676		56,666.676

Số cuối kỳ	-	-	-	62,222,232	-	62,222,232
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	244,444,444	-	244,444,444
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	187,777,768	-	187,777,768

9 . Chi phí trả trước		31-12-2017	01-01-2017
a) Ngắn hạn			
Chi phí phân bổ của trung tâm taxi		187,895,387	900,771,019
Chi phí phân bổ của trung tâm đào tạo		166,820,858	181,539,011
Chi phí phân bổ của Công ty TDS		15,681,660	15,681,660
Chi phí phân bổ của Công ty Long Vân		21,060,189	50,187,786
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		153,531,316	322,375,757
Cộng	0.00	544,989,410	1,470,555,233
b) Dài hạn			
CP phân bổ dài hạn khác		98,614,970	181,524,996
CP sửa chữa công trình 93/1017 Lê Đức Thọ		447,758,278	831,551,086
Cộng	-	546,373,248	1,013,076,082

11 . Vay và nợ thuê tài chính		31-12-2017	Trong năm		01-01-2017
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
b) Vay dài					
b.1 CTY TNHH MTV TÀI CHÍNH TOYOTA VIỆT NAM (TFSVN)*	7,914,566,032	9,236,500,000	1,321,933,968		
b.2 NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - CN CÔNG OUYNH **	2,898,000,000	3,220,000,000	322,000,000		
Cộng	10,812,566,032	12,456,500,000	1,643,933,968		

(* Kkhoản vay đầu tư 24 xe TOYOTA VIOS E theo hợp đồng HĐ 5000019896 ký ngày 16/02/2017 và Hợp đồng số HĐ 5000021272 với kỳ hạn 60 tháng, trả định kỳ hàng tháng gốc và lãi; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, căn cứ theo lãi suất của TFSVN áp dụng tại thời điểm điều chỉnh.

(* Kkhoản vay trung dài hạn theo thỏa thuận cho vay số 001-171295/TTCV-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017 với kỳ hạn 60 tháng từ ngày 27/06/2017 đến ngày 26/06/2022 trả gốc 3 tháng/1 lần vào ngày cuối quý, lãi trả hàng tháng vào cuối mỗi tháng; lãi suất vay bằng lãi tiền gửi thông thường kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 3,8%/năm; mục đích thanh toán một phần Quyền sử dụng đất địa chỉ 25 Pastuer Quận 1 TP.HCM

12 . Phải trả người bán		31-12-2017	01-01-2017
		Giá trị	Giá trị
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		710,654,087	5,308,411,832
CÔNG TY TNHH TOYOTA HIROSHIMA TÂN CẢNG- HT			4.606.500.000
CTY TNHH DV KỸ THUẬT SECO			40.994.800
CTY TNHH XÂY DỰNG TM DV TRUNG HƯNG THỊNH			56.279.520
Phải trả cho các đối tượng khác		710.654.087	604.637.512
b) Phải trả người bán là các bên liên quan			242.753.774
T/ Tam Dạy Nghề Bán Công Sài Gòn			242.753.774

14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31-12-2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2017
a) Phải nộp					
Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	287,932,314	2,269,253,153	1,981,320,839		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,277,771,608	3,126,546,089	1,281,950,963	433,176,482	
Thuế Tài nguyên				-	
Tiền thuê đất	2,539,997,616	2,130,596,616		409,401,000	
Thuế nhà đất	84,102,498	84,102,498		-	
Tiền sử dụng đất	-	8,544,500,040	8,544,500,040		
Thuế môn bài	-	4,000,000	4,000,000		
Thuế thu nhập cá nhân	35,174,406	711,175,030	705,757,506	29,756,882	
Thuế, phí khác	1,864,604,194	2,431,157,694	566,553,500		

	<u>7,089,582,636</u>	<u>10,752,831,080</u>	<u>4,535,582,808</u>	<u>872,334,364</u>
Công ty TNHH MTV TM Du lịch Sài Gòn Tourist				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(111,165,109)	(717,311)		(110,447,798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(20,409,727)			(20,409,727)
Thuế môn bài		2,000,000	2,000,000	-
Thuế thu nhập cá nhân				4,911,231
Công ty TNHH MTV Du lịch Bảo vệ Long Vân				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	715,727,685	1,096,256,670	925,467,658	544,938,673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(219,200,836)			(219,200,836)
Thuế môn bài	-	1,500,000	1,500,000	-
Thuế thu nhập cá nhân	4,355,736	12,439,253	9,778,674	1,695,157
b) Phải thu				
Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist				
Thuế GTGT hàng nội địa	47,431,096	1,614,420,264	2,108,829,890	541,840,722
	<u>47,431,096</u>	<u>1,614,420,264</u>	<u>2,108,829,890</u>	<u>541,840,722</u>
15 . Chi phí phải trả			<u>31-12-2017</u>	<u>01-01-2017</u>
a) Ngắn hạn				
Chi phí của Trung tâm dạy nghề bán công				269,345,000
Chi phí của Trung tâm vận chuyển xe du lịch			150,814,000	148,040,000
Trích trước chi phí tư vấn, kiểm toán			110,000,000	40,000,000
Chi phí của Trung tâm vận chuyển Taxi				13,495,555
Chi phí của tour Jeju			549,999,970	549,999,970
Trích trước các khoản chi phí khác			72,237,972	102,849,312
Cộng			<u>883,051,942</u>	<u>1,123,729,837</u>
b) Dài hạn				
Trích trước chi phí trợ cấp thôi việc			641,531,146	1,293,671,875
Cộng			<u>641,531,146</u>	<u>1,293,671,875</u>
16 . Các khoản phải trả, phải nộp khác			<u>31-12-2017</u>	<u>01-01-2017</u>
a) Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn			960,024,875	1,063,516,380
Bảo hiểm xã hội			258,712,025	105,008,282
Bảo hiểm y tế			30,968,968	1,776,412
Bảo hiểm thất nghiệp			24,818,320	2,208,220
Ông Hideo Tomiya			11,000,000,000	
Khoản ký cược ký quỹ				200,000,000
Thù lao Hội đồng quản trị			210,284,788	210,284,788
Cổ tức, lợi nhuận phải trả			1,219,365,715	1,219,365,715
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			3,795,238,023	2,718,365,972
Cộng			<u>17,499,412,714</u>	<u>5,520,525,769</u>
b) Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược: dài hạn			1,021,449,286	1,191,147,350
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác				
Cộng			<u>1,021,449,286</u>	<u>1,191,147,350</u>
. Doanh thu chưa thực hiện				
			<u>31-12-2017</u>	<u>01-01-2017</u>
a) Ngắn hạn				
Doanh thu nhận trước			97,140,921	97,793,639
Cộng			<u>97,140,921</u>	<u>97,793,639</u>
b) Dài hạn				
Doanh thu nhận trước			511,000,000	730,000,000
Cộng			<u>511,000,000</u>	<u>730,000,000</u>
17 . Dự phòng phải trả			<u>31-12-2017</u>	<u>01-01-2017</u>

b) Dài hạn

Dự phòng trợ cấp thôi việc

641,531,1461,293,671,875**Cộng****641,531,146****1,293,671,875****18 . Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Các quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	TỔNG
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000						(52,237,092,724)	27,762,907,276
Lãi/Lỗ trong năm trước							(5,248,082,535)	(5,248,082,535)
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	-	-	-	-	-	(57,485,175,259)	22,514,824,741
Lãi/lỗ trong năm nay							(20,904,701,466)	(20,904,701,466)
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	-	-	-	-	-	(78,389,876,725)	1,610,123,275

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	10,042,406,564	16,965,887,868
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	5,398,391,000	6,547,420,000
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	5,741,157,999	6,065,340,109
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	31,440,000	3,423,425,278
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bảo vệ	8,871,001,592	10,134,960,249
- Doanh thu từ các dịch vụ lữ hành , dịch vụ phòng ...		6,850,471,239
	30,084,397,155	49,987,504,743
Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2017	Năm 2016
- Hoàn vé máy bay	-	15,060,000
	-	15,060,000

Doanh thu kinh doanh dịch vụ taxi của 09 tháng năm nay giảm hơn so với cùng kỳ năm 2016, do số lượng xe giảm ,lái xe nghỉ việc nhiều vì doanh thu taxi truyền thống bị cạnh tranh gay gắt bởi taxi công nghệ (Grab, Uber), doanh thu từ dịch vụ bán vé máy bay, dịch vụ lữ hànhcủa công ty con (công ty TNHH MTV TMDL Sài Gòn) tạm dừng để cơ cấu lại hoạt động kinh doanh của công ty.

2 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn của dịch vụ taxi	14,324,407,600	20,965,426,024
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	4,888,644,584	6,579,687,231
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	5,474,423,558	6,127,015,316
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	13,148,006	3,376,106,945
- Giá vốn của các dịch vụ lữ hành		6,922,527,290
- Giá vốn của các dịch vụ bảo vệ	7,585,542,879	8,570,241,629
Cộng	32,286,166,627	52,541,004,435

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	159,950,469	458,039,490
Cộng	159,950,469	458,039,490

4 . Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	773,467,667	37,182,213
Chi phí tài chính khác	(76,906,648)	(19,261,426)
Cộng	696,561,019	17,920,787

5 . Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí cho nhân viên	89,646,737	1,051,624,979
Chi phí khác bằng tiền	112,528,998	131,105,816
Cộng	202,175,735	1,182,730,795

6 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí cho nhân viên	3,743,626,489	4,233,810,757
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	26,811,509	98,687,672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144,216,662	221,332,551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,251,484,340	1,119,213,772
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	2,759,803,191	422,395,300
Chi phí khác bằng tiền	1,160,809,091	3,003,702,420
Cộng	9,086,751,282	9,099,142,472

7 . Thu nhập khác		Năm 2017	Năm 2016
Lãi từ thanh lý nhượng bán TSCĐ xe taxi		2,535,667,941	4,786,523,803
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng , phạt , bồi thường		65,000,000	
Thu tiền hỗ trợ di dời mặt bằng 99 Phố Quang		1,500,000,000	1,500,000,000
Thu nhập khác		1,635,668,929	1,137,543,451
Cộng		5,736,336,870	7,424,067,254
8 . Chi phí khác		Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý hủy hợp đồng 28/HĐ/2014 với ông Hideo Tomiya (*)		10,000,000,000	
Chi phí thuế bị truy thu và phạt hành chính (**)		2,026,385,259	
Chi phí khác		834,385,096	261,835,533
Cộng		12,860,770,355	261,835,533

(*) Thanh lý hợp đồng 28/HĐ/2014 theo biên bản thanh lý Hợp đồng 03/07/2017

(**) Chi phí thuế TNDN, TNCN, GTGT bị truy thu, các khoản phạt vi phạm hành chính vì kê khai sai và các khoản lãi phát sinh do chậm nộp theo QĐ 406/QĐ-CT-XP ngày 24/01/2017 cho niên độ từ năm 2007 đến năm 2015

9 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(19,151,740,524)	(5,248,082,535)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19,151,740,524)	(5,248,082,535)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2,394)	(656)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giải trình khoản lãi/lỗ trên báo cáo tài chính:

So với cùng kỳ năm trước Công ty lỗ nhiều hơn; nguyên nhân do khoản chi phí khác phát sinh trong đợt thanh tra thuế của niên độ 2007 đến 2015. Doanh thu hoạt động taxi giảm do xe đã cũ và giảm trong đợt thanh lý cuối năm 2016, tình hình lái xe bị thiếu; Công ty cũng bắt đầu đầu tư xe mới thay thế cho lượng xe cũ. Hoạt động dạy nghề đang phục hồi và bắt đầu có lãi. Hoạt động kinh doanh của công ty con (công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn tạm dừng hoạt động do để tái cơ cấu).

2 Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam – CN TP.HCM. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập/Kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN



Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO